

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày: 03/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông A Lăng Ping.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sáu; Ông A Lăng Vượt.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Ông Tạ Ngôn Ngộ – Kiểm sát viên.

Hôm nay, vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. K, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1985 tại huyện N, tỉnh Q; Nơi cư trú tại thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Cơ tu; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông G (đã chết) và bà H, sinh năm 1970; Có vợ tên là O và có 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. M, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1993 tại huyện N, tỉnh Q; Nơi cư trú tại thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Cơ tu; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông C M, sinh năm 1964 và bà N, sinh năm 1968; Có vợ tên là S và có 01 con (sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo K:* Bà Ngô Thị D – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Coor M:* Bà Lê Thị Sao M – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà S, sinh ngày 04/4/1983; nơi cư trú tại thôn C, xã L, huyện N, tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Bà O, sinh năm 1987; nơi cư trú tại thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 00 ngày 08/01/2019, K và M rủ nhau vào khu vực suối khe Cạn (thôn Zơ Ra, xã Tà Bhing, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam) theo hướng đi vào khe Vinh, xã Tà Pơr, huyện Nam Giang để soi ếch. Đến khoảng 20 giờ 00 cùng ngày, trong lúc soi ếch K thấy 01 con Tê tê ở bên cạnh suối liền nói cho M, cả hai cùng nhau đuổi và dùng tay bắt được 01 con Tê tê rồi bỏ vào bao, sau khi bắt được Tê tê xong thì K, M ở lại ngủ trong rừng. Đến sáng ngày 09/01/2019, K và M đi về nhà, K để con Tê tê trong bếp nhà K. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, M điều khiển xe máy hiệu Sirius mang biển kiểm soát 92S1 – 025.08 đến nhà K, tại đây cả hai nói với nhau mang con Tê tê xuống thị trấn Thạnh Mỹ bán. K điều khiển xe máy Sirius biển kiểm soát 92S1 – 025.08 chở M phía sau, túi xách đựng 01 con Tê tê để ở phía trước xe. Khi đến chốt Kiểm lâm Tà Bhing thuộc địa phận thôn Cà Rung, xã Cà Dy, huyện Nam Giang thì bị tổ công tác Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Sông Thanh kiểm tra, phát hiện, bắt giữ K, M cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) con Tê tê có trọng lượng 5,7 kg; 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 92S1-025.08.

Tại kết luận giám định số 53/STTNSV ngày 11/01/2019 của Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật – Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam kết luận: 01 (một) cá thể động vật (còn sống) là loài Tê tê java có tên khoa học là *Manis javanica*, loài Tê tê java *Manis javanica* có tên trong Phụ lục I, Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ (Ban hành kèm theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ).

Tại bản Cáo trạng số 05/CTr-VKS ngày 03/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân (Viết tắt là VKSND) huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo K và bị cáo M về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật hình sự (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Nam Giang thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử đã giữ nguyên quan điểm nội dung bản cáo trạng truy tố. Qua xem xét tính chất của vụ án, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 244; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS. Xử phạt bị cáo K từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Xử phạt bị cáo M từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về xử lý vật chứng, các Quyết định xử lý vật chứng của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Sông Thanh và Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Giang là đúng quy định. Về người liên quan bà O là vợ của bị cáo K không biết việc bị cáo K mang con Tê tê về nhà cất giấu, nên không xem xét trách nhiệm.

Hai người bào chữa cho 02 bị cáo đều thống nhất với nội dung cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ; Tuy nhiên, qua xem xét về nguyên nhân phạm tội cũng chỉ xuất phát từ truyền thống

sinh sống, săn bắt để nuôi gia đình, mục đích ban đầu của các bị cáo vào rừng là để soi ếch, chỉ tình cờ thấy được con Tê tê nên bắt về; nhân thân các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thu nhập thấp và không ổn định. Nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ chuyển sang hình phạt khác, áp dụng Điều 36 BLHS xử phạt các bị cáo Cải tạo không giam giữ; đồng thời miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo không bổ sung ý kiến bào chữa gì, thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Giang, Điều tra viên, VKSND huyện Nam Giang, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. HĐXX xác định được:

Vào khoảng 20 giờ ngày 08/01/2019, các bị cáo K và M đang đi soi Ếch tại suối khe Cạn (thuộc thôn Zơ Ra, xã Tà Bhing, huyện Nam Giang) đây là khu vực rừng sản xuất thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã Tà Bhing, huyện Nam Giang, thì phát hiện có 01 con Tê tê (Trút) bên cạnh suối, nên cả hai đuổi theo bắt được bỏ vào bao và sáng hôm sau đem về nhà bị cáo K cất giấu. Khoảng 16 giờ, ngày 09/01/2019, hai bị cáo điều khiển xe máy chở con Tê tê xuống thị trấn Thanh Mỹ mục đích để bán lấy tiền tiêu, khi đến chốt Kiểm lâm Tà Bhing thuộc địa phận thôn Cà Rung, xã Cà Dy, huyện Nam Giang thì bị lực lượng chức năng của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Sông Thanh phát hiện, bắt giữ hai bị cáo cùng tang vật.

Tại bản kết luận giám định số 53/STTNSV ngày 11/01/2019 của Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật thuộc Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam kết luận: 01 (một) cá thể động vật (còn sống) là loài Tê tê java, có tên khoa học là *Manis javanica*, loài Tê tê java *Manis javanica* có tên trong Phụ lục I, Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ (Ban hành kèm theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ).

Hành vi của các bị cáo đã vi phạm Khoản 4 Điều 7 Luật đa dạng sinh học năm 2008. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” theo điểm a khoản 1 Điều 244 BLHS.

Bản cáo trạng truy tố và ý kiến luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án và vai trò của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến môi trường sinh thái, ảnh hưởng đến việc bảo tồn, duy trì và phát triển động vật hoang dã, quý, hiếm, ảnh hưởng tới môi trường chung của toàn xã hội. Vì vậy, cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội, góp phần hạn chế tình trạng săn bắt, buôn bán động vật nguy cấp, quý, hiếm. Các bị cáo thực hiện hành vi với hình thức đồng phạm giản đơn, không có ai chủ mưu cầm đầu, tổ chức, chỉ vô tình phát hiện con Tê tê thì cùng tự ý thức thực hiện hành vi, do đó cùng chịu trách nhiệm ngang nhau.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Có các tình tiết giảm nhẹ là tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, mục đích săn bắt cũng chỉ nhằm kiếm sống để nuôi gia đình; Nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, bị cáo K có gia đình thuộc hộ nghèo, có cha là ông G được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất và bị cáo M có gia đình thuộc hộ cận nghèo, gia đình cũng có công với Nhà nước; các bị cáo đều là lao động chính, vợ của các bị cáo đều làm nông, con còn nhỏ. Do đó, cả hai bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân các bị cáo. HĐXX xét thấy, cả hai bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS, có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo; Nên HĐXX, áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo là hoàn toàn chính đáng, thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo chăm lo cho gia đình.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo K, M thuộc hộ nghèo và cận nghèo, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 244 BLHS.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. HĐXX xét thấy:

- Đối với 01 (một) cá thể Tê tê java (còn sống), trọng lượng 5,7kg; Ngày 16/01/2019, Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Sông Thanh đã bàn giao cho Trung tâm nghiên cứu và bảo tồn động vật hoang dã thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (Biên bản giao, nhận ngày 16/01/2019) để phục vụ cho công tác bảo tồn động vật là đúng quy định.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 92S1-025.08, chủ sở là của bà S là chị vợ của bị cáo M. Bà S không biết bị cáo M mượn xe để vận chuyển con Tê tê đi bán. Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Giang đã trả xe mô tô trên cho bà S (Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 17/5/2019) là đúng quy định.

[7]. Về người liên quan bà O là vợ của bị cáo K không biết việc bị cáo K mang con Tê tê về nhà cất giấu, nên không xem xét trách nhiệm.

[8]. Xét về ý kiến tranh luận của hai người bào chữa là có cơ sở. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy, Tê tê là động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ; Nhà nước đã có nhiều biện pháp tăng cường bảo vệ để tránh bị tuyệt chủng và cũng nhằm bảo vệ cân bằng môi trường sinh thái, nhưng tình hình tội phạm liên quan đến động vật nguy cấp, quý, hiếm và lâm sản vẫn diễn biến phức tạp. Nên hành vi các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm để răn đe và giáo dục chung, việc xem xét cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp và cũng đã xem xét hết đến các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân các bị cáo. Do đó, HĐXX không chấp nhận áp dụng Điều 36 BLHS cho các bị cáo như đề nghị của hai người bào chữa.

[9]. Về án phí:

Bị cáo K thuộc hộ nghèo, bị cáo M thuộc hộ cận nghèo, hai bị cáo đều có đơn xin miễn án phí, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. HĐXX xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo K và M là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo K và bị cáo M phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”.

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 244; điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS đối với cả hai bị cáo:

Xử phạt bị cáo K 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/7/2019).

Xử phạt bị cáo M 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/7/2019).

Giao bị cáo K và bị cáo M cho Ủy ban nhân dân xã Tà Bhing, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo K và bị cáo M.

3. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an tỉnh Quảng Nam (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam
(Bộ phận lý lịch tư pháp);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

A Lăng Ping